

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2021/DS-ST

Ngày: 21 - 6 - 2021

*“V/v Tranh chấp hợp
đồng mua bán tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Lát;
2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên Tòa:
Bà Phạm Thị Diệp – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2021/TLST-DS, ngày 12 tháng 01 năm 2021, về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ông Trần Đại H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số nhà 034 khóm Tr, phường Kh, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện của nguyên đơn: Chị Nguyễn Minh Th, sinh năm 1995; là người đại diện theo ủy quyền (Có mặt).

Địa chỉ: Nhà không số ấp H, xã H, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

**** Bị đơn:*** Ông Trương T, sinh năm 1971 (Có mặt).

Địa chỉ: Nhà không số ấp A, xã V, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31/12/2020 của nguyên đơn là ông Trần Đại H cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại theo ủy quyền của ông H là chị Nguyễn Minh Th trình bày:

Vào ngày 03/7/2017, ông Trương T có mua thức ăn và thuốc thủy sản do của Hộ kinh doanh Tr do ông Trần Đại H làm chủ. Việc mua bán không có lập hợp đồng, chỉ thỏa thuận bằng miệng. Theo thỏa thuận, hàng hóa được nhân viên giao hàng tận nơi hoặc ông T hay người nhà của ông T đến lấy hàng thì hai bên đều ký sổ giao nhận hàng. Ông T có kiểm tra và ký bản đối chiếu xác nhận công nợ. Cuối vụ thu hoạch tôm, ông T phải thanh toán hết tiền hàng. Mặc dù, ông Trần Đại H đã giao hàng đúng thỏa thuận, nhưng ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày 21/5/2018, công nợ lên đến 337.399.000đ (ba trăm ba mươi bảy triệu ba trăm chín mươi chín nghìn đồng), ông T chỉ trả nợ cho ông H được 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) và không gửi trả thêm lần nào nữa. Vào ngày 31/7/2018, hai bên tiến hành ký bản đối chiếu công nợ, theo đó, ông T ký xác nhận còn nợ ông H số tiền 257.399.000đ (hai trăm năm mươi bảy triệu ba trăm chín mươi chín nghìn đồng). Mặc dù, ông H đã nhiều lần yêu cầu ông T trả tiền hàng nhưng ông T vẫn không thực hiện.

Nay ông Trần Đại H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trương T phải thanh toán số nợ gốc là 257.399.000đ (hai trăm năm mươi bảy triệu ba trăm chín mươi chín nghìn đồng) và tiền lãi chậm trả tương ứng 10%/năm/257.399.000 đồng tính từ ngày 01/9/2018 đến ngày 01/9/2020 là 51.479.800đ (năm mươi một triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm đồng), tổng cộng cả vốn và lãi là 308.878.800đ (ba trăm lẻ tám triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn tám trăm đồng).

Tài liệu, chứng cứ do ông H giao nộp là: Bản sao Giấy chứng minh nhân dân và Sổ tạm trú của ông Trần Đại H ; Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: hộ kinh doanh Đại lý Tr ; Đơn yêu cầu về việc xác nhận địa chỉ cư trú và thông tin đương sự, ngày 30/12/2020; Bảng đối chiếu xác nhận công nợ, ngày 31/7/2018; Giấy ủy quyền đề ngày 12/8/2020 do ông Trần Đại H ủy quyền cho Nguyễn Minh Th ; Bản sao giấy chứng minh nhân dân của chị Nguyễn Minh Th ; 10 Tờ giấy photo (09 tờ có chữ ký Trương T và 01 Tờ có chữ G); Giấy ủy quyền đề ngày 14/4/2021 do ông Trần Đại H ủy quyền cho Nguyễn Minh Th ; 01 cuốn sổ kê ô vuông nhỏ ngoài bì

ghi “ A. TÁM (TỈNH)”, bên trong có nội dung giao dịch hàng hóa tại 41 trang được đánh số thứ tự từ 1 đến 41.

Bị đơn ông Trương T trình bày: Khoảng năm 2017, ông T và ông Trần Đại H có thỏa thuận mua bán thức ăn nuôi tôm và các loại thuốc thủy sản nhằm để cho ông T nuôi tôm. Trong quá trình mua bán, ông T có nhận đầy đủ thức ăn nuôi tôm theo đúng yêu cầu của ông T . Lúc hợp đồng hai bên có thỏa thuận chiết khấu cho ông T mỗi kg thức ăn là 4.000đ (bốn nghìn đồng), bao giờ trả đủ tiền thì ông H tính chiết khấu. Qua năm 2018, ông Trần Đại H cắt hàng không giao thức ăn nuôi tôm cho ông T nữa nên hai bên cộng sổ, ông T nợ của ông H 337.399.000đ (ba trăm ba mươi bảy triệu ba trăm chín mươi chín nghìn đồng), trong cùng năm 2018, ông T có trả cho ông H được 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng), nhưng chưa trừ chiết khấu cho ông T . Hai bên có cộng đối chiếu công nợ và ông T còn nợ của ông H là 257.399.000đ (hai trăm năm mươi bảy triệu ba trăm chín mươi chín nghìn đồng).

Nay, ông T thừa nhận còn nợ số tiền thức ăn nuôi tôm đúng như ông H trình bày là 257.399.000đ (hai trăm năm mươi bảy triệu ba trăm chín mươi chín nghìn đồng). Tuy nhiên, do hiện nay nuôi tôm khó khăn nên ông T yêu cầu ông H trừ chiết khấu cho ông T , sau khi trừ xong thì cuối năm 2021 ông T sẽ thanh toán số tiền nợ cho ông H . Riêng đối với số tiền lãi ông H yêu cầu là 51.479.800đ (năm mươi một triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm đồng), ông T không đồng ý.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định quan hệ tranh chấp là “hợp đồng mua bán tài sản”. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Trương T phải trả nguyên đơn số tiền gốc là 257.399.000đ (hai trăm năm mươi bảy triệu ba trăm chín mươi chín nghìn đồng) và tiền lãi chậm trả tương ứng 10%/năm/257.399.000 đồng tính từ ngày

01/9/2018 đến ngày 01/9/2020 là 51.479.800đ (năm mươi một triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm đồng), tổng cộng cả vốn và lãi là 308.878.800đ (ba trăm lẻ tám triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn tám trăm đồng); quyết định về nghĩa vụ chịu án phí đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về tố tụng: Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy: Xét hợp đồng mua bán tài sản được giao kết giữa nguyên đơn là ông Trần Đại H và bị đơn là ông Trương T là thực tế và là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, đây là giao dịch dân sự được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu: Trong vụ án này, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết:

Hai bên đã thực hiện việc mua bán tài sản như đã thỏa thuận, thể hiện theo lời trình bày của nguyên đơn và thừa nhận của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm.

[2.1] Đối với số tiền nợ thức ăn và thuốc thủy sản: Ngày 31/7/2018, hai bên tiến hành làm việc xác nhận công nợ, cũng như quá trình giải quyết vụ án và như tại phiên tòa, hai bên đương sự đều thống nhất xác nhận công nợ là ông T nợ của ông H số tiền 257.399.000đ (hai trăm năm mươi bảy triệu ba trăm chín mươi chín nghìn đồng), nhưng không thống nhất được thời gian thanh toán và phương thức thanh toán. Từ các căn cứ nêu trên, đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, có cơ sở khách quan để kết luận việc giao dịch dân sự giữa các bên đối việc mua bán tài sản và bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 257.399.000đ (hai trăm năm mươi bảy triệu ba trăm chín mươi chín nghìn đồng) là có căn cứ chấp nhận. Tại

phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nêu trên cho nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

Xét ý kiến của bị đơn yêu cầu nguyên đơn gia hạn thời gian là đến cuối năm 2021 nhưng không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bị đơn.

[2.2] Xét ý kiến của bị đơn đối với việc chiết khấu theo hợp đồng, thấy: Các đương sự đều thống nhất là chỉ có hợp đồng miệng, không ký văn bản nhưng đều thỏa thuận là người mua thanh toán dứt điểm công nợ trong năm ký hợp đồng thì mới trừ chiết khấu cho người mua. Khi giao kết hợp đồng giữa nguyên đơn là Đại lý Tr do ông H làm chủ và ông Trương T thì các bên đương sự là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, giao kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện của hai bên được pháp luật quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, chị Th không đồng ý trừ chiết khấu cho bị đơn căn cứ vào thỏa thuận của hai bên do ông T không trả dứt điểm công nợ trong năm thực hiện hợp đồng. Do đó, không chấp nhận yêu cầu của bị đơn đối với việc trừ chiết khấu hàng hóa.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông H có đơn yêu cầu thi hành án, ông Trương T phải trả lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

[2.3] Xét yêu cầu trả tiền lãi 10%/năm do bị đơn chậm thanh toán trên số tiền 257.399.000đ (hai trăm năm mươi bảy triệu ba trăm chín mươi chín nghìn đồng) tính từ ngày vi phạm là ngày 01/9/2018 đến ngày 01/9/2020 là 51.479.800đ (năm mươi một triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm đồng), xét thấy: Theo hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm mà hai bên đã thỏa thuận mặc dù không thỏa thuận về lãi suất khi chậm thanh toán theo hợp đồng, tuy nhiên tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu trả lãi phát sinh kể từ sau ngày vi phạm là ngày hai bên đối chiếu công nợ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015, trường hợp bên mua chậm trả tiền sẽ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Ngày 31/7/2018, hai bên thực hiện đối chiếu công nợ, do đó kể từ sau ngày đối chiếu công nợ, ông T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi tương ứng với thời gian vi phạm. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu

tính lãi lẽ từ ngày 01/9/2018 đến ngày 01/9/2020 là 2 năm với mức lãi suất là 10%/năm thành số tiền là 51.479.800đ (năm mươi một triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm đồng) là có lợi cho bị đơn, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là có căn cứ chấp nhận.

[3] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

[4] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, ông Trương T phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ thanh toán quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 430, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Đại H đối với bị đơn ông Trương T, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Buộc ông Trương T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Đại H số tiền nợ là 257.399.000đ (hai trăm năm mươi bảy triệu ba trăm chín mươi chín nghìn đồng) và tiền lãi chậm trả tương ứng 10%/năm/257.399.000 đồng tính từ ngày 01/9/2018 đến ngày 01/9/2020 là 51.479.800đ (năm mươi một triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm đồng), tổng cộng cả vốn và lãi là 308.878.800đ (ba trăm lẻ tám triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn tám trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông H có đơn yêu cầu thi hành án, ông Trương T phải trả lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 15.443.940đ (mười lăm triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm bốn mươi đồng).

- Ông Trần Đại H không phải chịu án phí; hoàn trả cho ông Trần Đại H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.721.970đ (bảy triệu bảy trăm hai mươi một nghìn chín trăm bảy mươi đồng) theo Biên lai thu số 0006512 ngày 11/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VÕ THỊ HIẾU